

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Viên;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sầm Thị B, sinh năm 1998; nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số 3, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là chị Sầm Thị B trình bày:

Chị Sầm Thị B và anh Nguyễn Tiến M kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tiên Lãng ngày 05/12/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, mặt khác do anh M nghiện ma túy. Chị B đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi nên từ tháng 10 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh M đang bị tạm

giam để thi hành hình phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/4/2016. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không quan tâm gì đến con. Hiện nay, chị B là lao động tự do, thu nhập ổn định từ 10 đến 12 triệu đồng/tháng; ngoài ra, do chị ở chung với bố mẹ đẻ nên chị còn được bố mẹ hỗ trợ chăm sóc con. Bản thân anh M đang phải chấp hành án phạt tù. Vì vậy, chị B đề nghị Toà án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị xin tự thỏa thuận với anh M.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/8/2024, bị đơn là anh Nguyễn Tiến M trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị B trình bày là đúng thực tế. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; một phần còn do anh M nghiện ma túy. Chị B và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh M đang bị tạm giam để thi hành hình phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay, chị B xin ly hôn, nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không có cơ hội đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị B trình bày là đúng. Khi ly hôn, do anh đang phải thi hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi con nên anh đồng ý để chị B trực tiếp nuôi dưỡng con; việc cấp dưỡng cho con, anh xin tự thỏa thuận với chị B.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình như nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu

của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sầm Thị B: Xử cho chị B được ly hôn anh Nguyễn Tiến M. Về con chung: Giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/4/2016, anh chị xin tự giải quyết về việc cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Sầm Thị B khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Tiến M; nơi cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Sầm Thị B và anh Nguyễn Tiến M được xác lập từ ngày 05/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác do anh M nghiện ma túy. Mặc dù, chị B và gia đình đã nhiều lần khuyên giải anh M nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 10 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/4/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do chị B chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo; bản thân anh M hiện đang phải thi hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị B có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, chị còn được gia đình hỗ trợ chăm sóc con. Mặt khác, con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị B; anh M cũng đồng ý để chị B trực tiếp nuôi dưỡng con. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự thỏa thuận nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sâm Thị B được ly hôn anh Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Giao cho chị Sâm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/4/2016; thời hạn nuôi con tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, chị B tự giải quyết với anh M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sâm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0009070 ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (đề thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 50/2016);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chi

